TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1983 *(Xin vắng mặt)*.

Địa chỉ cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bé T, sinh năm 1983 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Bé T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2001, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo phong tục địa pH nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên bà Trần Thị D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bé T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Nguyễn Trần Thiên H, sinh ngày 01/8/2002 (nữ).

Nguyễn Chí Th, sinh ngày 18/5/2007 (nam).

Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, đối với cháu Th bà D yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Bé T:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà D yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Trần Thị D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bé T, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông T cư trú tại khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị D có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bận công làm việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Bé T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt phiên xét xử không lý do nên căn cứ khoản 2 Điêu 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Bé T có thời gian tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2001, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán của địa pH nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T, ông T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông T chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của bà Trần Thị D và ông Nguyễn Bé T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con: Bà D và ông T có hai người con chung.

Nguyễn Trần Thiên H, sinh ngày 01/8/2002 (nữ).

Nguyễn Chí Th, sinh ngày 18/5/2007 (nam).

Hiện nay, cháu H đã trưởng thành nên khi ly hôn bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà D yêu cầu nuôi dưỡng đối với cháu Th, yêu cầu này là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Th, ông T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu nuôi con của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu Th sống với bà D và có cuộc sống ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cháu Nguyễn Chí Th cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà D được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Bé T.

- Về nuôi con: Bà D và ông T có hai người con chung.

Nguyễn Trần Thiên H, sinh ngày 01/8/2002 (nữ).

Nguyễn Chí Th, sinh ngày 18/5/2007 (nam).

Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên khi ly hôn bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn Chí Th cho D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng, bà D được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016039 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà D đã nộp xong án phí.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền